

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ LÁCH
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2018/HNGĐ-ST
Ngày 07-5-2018
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Thanh Sáng.

Ông Nguyễn Văn Hơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

Ngày 07 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 97/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2018 về việc: “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đinh Thị M - Sinh năm: 1974; ĐKTT: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre; chỗ ở hiện nay: ấp D, xã E, huyện C, tỉnh Bến Tre; có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn U - Sinh năm: 1966; địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 3 năm 2018, bản tự khai đề ngày 26 tháng 4 năm 2018, biên bản hòa giải ngày 26 tháng 4 năm 2018, nguyên đơn là bà Đinh Thị M (sau đây gọi tắt là bà M) trình bày:

Bà Đinh Thị M và ông Nguyễn Văn U do quen biết rồi tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1997, không có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và không có đăng ký kết hôn. Bà M và ông U chung sống với nhau cho đến tháng 01 năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn đã sống ly thân với nhau, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi. Do nhận

thấy cuộc sống vợ chồng đã không còn hạnh phúc nên bà M yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông U.

+ *Về con chung*: Bà M và ông U có một người con chung tên là Nguyễn Văn S - Sinh ngày: 09 tháng 6 năm 1998 (đã trưởng thành, có khả năng lao động để nuôi sống bản thân); bà Đinh Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết gì liên quan đến người con này.

+ *Về tài sản*: Bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết gì về tài sản.

+ *Về nợ*: Bà M xác định là không có nợ.

- *Trong bản tự khai đề ngày 26 tháng 4 năm 2018, biên bản hòa giải ngày 26 tháng 4 năm 2018, bị đơn là ông Nguyễn Văn U (sau đây gọi tắt là ông U) trình bày:*

Ông U hoàn toàn thống nhất với phần trình bày của bà M về thời gian chung sống, việc không có đăng ký kết hôn, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn và về con chung. Đối với yêu cầu ly hôn của bà M thì ông U cũng đồng ý ly hôn.

+ *Về con chung*: Bà M và ông U có một người con chung tên là Nguyễn Văn S - Sinh ngày: 09 tháng 6 năm 1998 (đã trưởng thành, có khả năng lao động để nuôi sống bản thân); ông Nguyễn Văn U không yêu cầu Tòa án giải quyết gì liên quan đến người con này.

+ *Về tài sản*: Ông U không yêu cầu Tòa án giải quyết gì về tài sản.

+ *Về nợ*: Ông U xác định là không có nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Đinh Thị M có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc: “Ly hôn” với ông Nguyễn Văn U, đây là loại tranh chấp được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bà M và ông U đều có địa chỉ thuộc huyện C, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại các điều 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Xét yêu cầu của bà M về việc xin ly hôn đối với bà Út Hội đồng xét xử thấy rằng, mặc dù bà M và ông U tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1997, nhưng cho đến nay vẫn không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do vậy hôn nhân của ông bà là không có giá trị pháp lý, không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Đối với yêu cầu của bà M, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 3 Nghị quyết số: 35/2000/QH10; Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà M và ông U là phù hợp.

[3] Về nuôi con chung: Bà M và ông U có một người con chung tên là Nguyễn Văn S - Sinh ngày: 09 tháng 6 năm 1998 (đã trưởng thành, có khả năng lao động để nuôi sống bản thân); bà Đinh Thị M và ông Nguyễn Văn U không yêu cầu Tòa án giải quyết gì liên quan đến người con này nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về chia tài sản: Bà M, ông U thống nhất với nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết gì về tài sản nên không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ: Bà M, ông U xác định là ông, bà không có nợ của ai; đồng thời Tòa án cũng không nhận được đơn yêu cầu giải quyết về nợ có liên quan đến vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét, xử lý.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đinh Thị M phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình, điểm c khoản 3 của Nghị quyết số: 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình; các điều 5, 147, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1/ *Tuyên bố*: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Đinh Thị M và ông Nguyễn Văn U.

2/ *Về tài sản*: Bà Đinh Thị M, ông Nguyễn Văn U thống nhất xác định là ông, bà không yêu cầu giải quyết về tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3/ *Về nợ*: Bà Đinh Thị M, ông Nguyễn Văn U xác định là ông, bà không có nợ của ai; đồng thời Tòa án cũng không nhận được đơn yêu cầu giải quyết về nợ có liên quan đến vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét, xử lý.

4/ *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Bà Đinh Thị M phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0024123 ngày 06 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre; bà Đinh Thị M đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5/ *Về quyền kháng cáo, kháng nghị đối với bản án*: Bà Đinh Thị M, ông Nguyễn Văn U có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre nhận được bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre giải quyết lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Bà Đinh Thị M_(01 bản);
- Ông Nguyễn Văn U_(01 bản);
- VKSND huyện Chợ Lách_(01 bản);
- Chi cục T.H.A.D.S huyện C, tỉnh Bến Tre_(01 bản);
- Phòng KTNV-T.H.A TAND tỉnh Bến Tre_(01 bản);
- Lưu: Hồ sơ vụ án_(01 bản), Vp_(01 bản), Bp_(01 bản).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ngọc Tuyên